Tôi lấy bằng bác sĩ ở Đại học London vào năm 1878 rồi chuyển đến Netley để theo khóa đào tạo chỉ định cho bác sĩ ngoại khoa trong quân đội. Học ở đây xong, tôi được chính thức điều về Trung đoàn 5 Bộ binh Northumberland làm quân y phó. Lúc đó trung đoàn này đóng ở Ấn Độ, và tôi chưa kịp trình diện thì cuộc chiến tranh Afghanistan lần hai[1] đã nổ ra. Khi xuống tàu ở Bombay, tôi hay tin quân đoàn của mình đã vượt đèo đi trước và hiện đã tiến sâu vào lãnh thổ của quân địch. Tôi cùng với nhiều sĩ quan khác đồng cảnh ngộ liền đi theo và rồi cũng an toàn tới được Kandahar, nơi tôi tìm được trung đoàn của mình và lập tức bắt đầu nhiệm vụ mới. Chiến dịch này mang lại công trạng và sự thăng tiến cho nhiều người, nhưng với tôi nó chẳng mang lại gì ngoài rủi ro và tai họa. Tôi phải rời lữ đoàn để gia nhập Trung đoàn Berkshire và tôi đã cùng họ tham gia trận chiến sống mái ở Maiwand. Ở trận này tôi bị một viên đạn hỏa mai bắn trúng vai, làm vỡ xương và sượt qua động mạch dưới đòn. Lẽ ra tôi đã sa vào tay quân Ghazi[2] tàn bạo nếu không nhờ lòng tận tụy và can trường của Murray, phụ tá của tôi. Anh ta đã quẳng tôi lên lưng một con ngựa thồ rồi đưa tôi an toàn về đến phòng tuyến quân Anh. Sức cùng lực kiệt vì đau đớn và vì những gian khổ kéo dài đã kinh qua, tôi được chuyển về bệnh viện hậu cứ ở Peshawar cùng với một đoàn thương binh đông đảo. Tại đây, khi tôi hồi phục dần và đã khá tới mức có thể đi lại quanh bệnh xá, thậm chí còn ra được tới hàng hiên sưởi nắng chút ít, thì lại bị quật ngã vì sốt thương hàn - tai ương của thuộc địa Ấn. Suốt mấy tháng, tôi sống trong tuyệt vọng, và cuối cùng khi đã bình tâm và bắt đầu dưỡng bệnh, thì tôi ốm yếu, hốc hác đến nỗi một hội đồng y khoa phải quyết định cho tôi về Anh quốc ngay, không được chậm trễ một ngày nào. Vì thế, tôi được gửi theo tàu chở quân Orontes, và một tháng sau tôi đã bước chân xuống cảng Portsmouth với sức khỏe suy sụp không thể cứu vãn, bù lại tôi được chính quyền mẫu quốc cho phép nghỉ luôn chín tháng để phục hồi. Tôi chẳng có họ hàng thân thích gì ở Anh quốc cho nên tự do như gió trời - hay tự do trong giới hạn mà mức thu nhập mười một đồng shilling và sáu xu một ngày cho phép. Trong hoàn cảnh như thế, tôi đương nhiên phải đi tới London, cái hầm cầu vĩ đại mà mọi kẻ lười nhác và ăn không ngồi rồi khắp cả nước này đều bị hút vào không sao cưỡng lại được. Ở đây, tôi trọ một thời gian tại một khách sạn trên phố Strand, sống một cuộc sống thiếu tiện nghi, vô nghĩa, và vung tay tiêu xài số tiền mình có mà lẽ ra phải dè sẻn hơn nhiều. Tình trạng tài chính đã trở nên đáng ngại tới mức tôi sớm nhận ra rằng: Hoặc là tôi phải bỏ chốn đô thành này mà rút về sống đâu đó ở vùng quê, hoặc là phải thay đổi hoàn toàn lối sống của mình. Chọn cách thứ hai, tôi bắt đầu bằng cách quyết tâm sẽ rời khách sạn, và tá túc ở một chỗ nào đó bớt phô trương và đỡ tốn kém hơn. Vào đúng cái ngày đi đến quyết định này, tôi đang đứng ở quán rượu Criterion thì có người vỗ nhẹ vào vai. Quay lại, tôi nhận ra anh chàng Stamford trẻ tuổi, người từng phụ mổ cho tôi ở trường Barts[3]. Nhìn thấy một gương mặt quen ở giữa London rộng lớn xa lạ này quả là điều vui sướng đối với một kẻ cô đơn. Thời trước, Stamford với tôi chẳng thân thiết gì lắm, nhưng bây giờ tôi chào đón anh nhiệt tình, và đáp lại, anh ta hình như cũng vui mừng tái ngộ. Đang phấn chấn, tôi mời anh ta đến khu Holborn ăn trưa và cả hai đón một chiếc xe ngựa nhỏ cùng đi. “Lâu nay anh làm gì, Watson?” Anh ta hỏi với vẻ ngạc nhiên không che giấu trong lúc cỗ xe lọc cọc đưa chúng tôi băng qua phố phường London đông đúc. “Trông anh gầy đét và đen thui.” Tôi kể sơ lược cho anh ta hay những chuyện mạo hiểm đi qua, và tới khi cỗ xe đưa chúng tôi đến nơi thì tôi cũng vừa kịp kể xong. “Quỷ thần ơi!” Anh ta thốt lên với vẻ thương xót sau khi nghe những rủi ro của tôi. “Thế bây giờ anh tính sao?” “Tìm chỗ trọ”, tôi đáp. “Đang cố làm sao tìm được phòng ở tiện nghi mà giá cả phải chăng.” “Lạ thật”, anh bạn tôi nhận xét, “hôm nay anh là người thứ hai nói với tôi y hệt những lời đó.” “Thế người thứ nhất là ai?” Tôi hỏi. “Một anh chàng đang làm việc ở phòng thí nghiệm hóa học trên bệnh viện. Sáng nay anh ta cứ than thở vì không biết kiếm ai cùng chia đôi tiền để thuê mấy phòng tốt mới tìm được, chỗ đó thì lại vượt quá túi tiền của anh ta.” “Trời đất!” Tôi kêu to. “Nếu đúng là anh ta cần người ở chung và chia tiền trọ thì tôi quả thích hợp đây. Tôi lại thích có bạn cùng trọ hơn là ở một mình.” Ánh mắt anh chàng Stamford nhìn tôi có vẻ hơi khác lạ. Anh ta nói, “Anh chưa biết Sherlock Holmes đâu, chưa chắc anh đã muốn làm bạn lâu dài với anh ta.” “Thế anh ta có gì mà phải đề phòng chứ?” “Ồ, tôi có nói anh phải đề phòng gì đâu. Anh ta có nhiều ý tưởng hơi kì quặc, một kẻ say mê nhiều lĩnh vực khoa học. Theo như tôi biết thì đó là một anh chàng khá đàng hoàng.” “Sinh viên y khoa chứ gì?” Tôi đoán. “Không, tôi thật chẳng hiểu nổi anh ta muốn theo đuổi cái gì. Tôi tin là anh ta rất am tường môn giải phẫu, và là một nhà hóa học thượng thặng; nhưng theo những gì tôi biết được, anh ta không hề theo một lớp y khoa nào cho có hệ thống. Việc học của anh ta tuy rất lộn xộn và khác người nhưng anh ta lại tích lũy được nhiều kiến thức ngoài luồng đủ khiến nhiều giáo sư phải kinh ngạc.” “Thế anh không bao giờ hỏi xem anh ta đang theo đuổi cái gì sao?” Tôi hỏi. “Không, anh ta không phải là kẻ dễ bộc lộ đâu, mặc dù khi nổi hứng lên thì cũng khá là cởi mở.” “Tôi thật tình muốn gặp”, tôi nói. “Nếu tôi phải ở trọ chung với ai thì tôi thích một người tính khí siêng năng, trầm tĩnh. Tôi chưa được khỏe nên không chịu nổi sự ồn ào hay kích động quá mức. Cả hai thứ đó ở Afghanistan tôi đã phải chịu đựng đủ ngán ngẩm cho tới hết đời rồi. Làm sao tôi gặp được người bạn của anh đây?” “Chắc chắn là anh ta đang ở phòng thí nghiệm”, anh bạn tôi đáp. “Hoặc là anh ta tránh xa chỗ ấy suốt nhiều tuần liền, hoặc là làm việc ở đó từ sáng đến tối. Nếu anh thích, ăn trưa xong chúng ta sẽ đảo qua đó.” “Tất nhiên rồi”, tôi đáp, và cuộc trò chuyện chuyển sang những đề tài khác. Trên đường đến bệnh viện sau khi chúng tôi rời khỏi khu Holborn, Stamford cho tôi biết thêm vài chi tiết về người mà tôi đề nghị làm bạn cùng thuê trọ. “Nếu anh không hòa hợp được với anh ta thì đừng có trách tôi đó”, anh nói. “Tôi chẳng biết gì hơn ngoài cảm nhận qua đôi lần tiếp xúc trong phòng thí nghiệm.” “Nếu không hòa hợp thì đường ai nấy đi cũng dễ thôi mà”, tôi đáp. “Stamford này”, tôi nhìn chằm chằm vào anh bạn rồi nói tiếp, “hình như anh có lí do nào đó nên không muốn dính dáng vào chuyện này thì phải. Tính khí người này kinh khủng lắm hay là sao? Đừng có quanh co vòng vo nữa.” “Chuyện khó nói thì biết nói sao đây”, anh vừa trả lời vừa cười. “Theo gu của tôi thì Holmes là người hơi quá khoa học, khoa học tới mức lạnh lùng. Tôi có thể tưởng tượng là anh ta dám lấy cả bạn mình ra để thí nghiệm một hợp chất alkaloid[4] thực vật mới phát hiện, không phải vì ác ý đâu, anh biết đó, mà chỉ đơn thuần là vì muốn tìm hiểu chính xác những tác dụng phát sinh. Công bằng mà nói, tôi nghĩ anh ta cũng sẵn sàng lấy ngay bản thân ra mà thí nghiệm như thế. Anh ta hình như luôn say sưa với những kiến thức chính xác và rõ ràng.” “Thế là đúng chứ sao!” “Phải, nhưng có thể đâm ra thái quá. Đến mức lấy gậy đánh đập mấy cái xác trong phòng mổ tử thi thì rõ ràng là kì dị.” “Đánh đập xác chết!” “Đúng vậy, để xác minh xem sau khi chết, xác có thể bị bầm dập đến mức nào. Chính mắt tôi thấy anh ta làm thế.” “Thế mà anh nói anh ta không phải sinh viên y khoa?” “Không phải. Có trời mới biết anh ta học để làm gì. Nhưng tới nơi rồi, cứ gặp anh ta rồi anh tự mình cảm nhận lấy.” Trong lúc Stamford nói thì chúng tôi đã rẽ xuống một lối hẹp rồi đi qua một cửa phụ nhỏ dẫn vào một khu nhà của bệnh viện đồ sộ này. Đây là chốn quen thuộc nên tôi chẳng cần hướng dẫn khi cả hai bước lên cầu thang đá vắng vẻ và đi thẳng theo dãy hành lang hun hút chỉ có bức tường vôi trắng chạy dài và những cánh cửa xỉn màu. Gần phía cuối hành lang là một lối đi vòm thấp rẽ sang hướng khác, dẫn tới phòng thí nghiệm hóa học. Đó là một gian phòng trần cao vút với vô số chai lọ, cái thì xếp ngay ngắn, cái thì bày bừa bãi. Đây đó là những chiếc bàn rộng, thấp, bên trên để lố nhố ống nghiệm, bình cổ cong, và những chiếc đèn Bunsen[5] lập lòe ánh lửa xanh. Trong phòng chỉ có một sinh viên đang lom khom ở cái bàn đằng xa miệt mài làm việc. Nghe tiếng bước chân chúng tôi, anh ta đảo mắt một vòng rồi đứng bật dậy kêu to thích thú. “Tìm ra rồi! Tìm ra rồi!” Anh ta vừa hò hét với bạn tôi vừa chạy đến, trên tay cầm một ống nghiệm. “Tôi vừa tìm ra một loại thuốc thử chỉ kết tủa khi gặp huyết sắc tố.” Nếu như anh ta có phát hiện ra mỏ vàng thì vẻ mặt cũng chỉ bộc lộ vui mừng đến thế là cùng. “Đây là bác sĩ Watson, đây là Sherlock Holmes”, Stamford giới thiệu hai chúng tôi. “Bác sĩ khỏe không?” Anh ta vừa chào thân ái vừa bắt tay tôi với một lực mà tôi không hề muốn khen ngợi chút nào. “Anh vừa ở Afghanistan về, tôi biết.” “Làm sao anh biết chuyện đó hở trời?” Tôi sửng sốt. “Đừng bận tâm”, anh ta vừa nói vừa cười thích thú một mình. “Chuyện đáng nói lúc này chính là huyết sắc tố. Chắc chắn là anh thấy được tầm quan trọng của phát hiện vừa rồi chứ?” “Đúng là đáng quan tâm, về mặt hóa học, chắc chắn rồi”, tôi đáp, “nhưng thực tiễn thì…” “Ồ, nào, đây là phát hiện pháp y thiết thực nhất trong nhiều năm qua đấy. Anh không thấy là nó sẽ cho ta một phép thử không thể sai để nhận biết vết máu à? Lại đằng này đi!” Anh ta hăm hở nắm lấy tay áo khoác của tôi, và kéo tôi lại chiếc bàn nãy giờ anh ta đang làm việc. “Ta phải có ít máu tươi”, anh vừa nói vừa chích một cây kim dài vào ngón tay mình, rồi trút giọt máu vào một ống nhỏ dung dịch thí nghiệm. “Bây giờ, tôi cho lượng máu nhỏ này vào một lít nước. Anh thấy kết quả là hỗn hợp này trông giống như nước tinh khiết, tỉ lệ máu trong nước không thể vượt quá một phần triệu. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng chúng ta vẫn có thể thu được những phản ứng đặc trưng.” Không ngừng lời, anh thảy vào bình chứa vài hạt tinh thể màu trắng, rồi cho thêm vào mấy giọt chất lỏng trong suốt. Ngay lập tức, hỗn hợp đổi sang màu đỏ xỉn đục rồi một chất bột nâu nâu lắng xuống đáy bình thủy tinh. “Ha ha!” Anh vỗ tay cười to, trông sung sướng như một đứa trẻ có món đồ chơi mới. “Anh thấy thế nào?” “Coi bộ đây là một phép thử rất nhạy”, tôi nhận xét. “Tuyệt vời! Tuyệt vời! Phép thử Guaiacum[6] kiểu cũ rất thô vụng và không chắc chắn. Cách kiểm tra bằng kính hiển vi để tìm huyết cầu cũng thế. Kính hiển vi cũng vô dụng nếu máu đã khô trước đó vài tiếng đồng hồ. Đấy, cách này lại tỏ ra hữu hiệu cho dù vết máu cũ hay mới. Nếu như phép thử này được phát minh ra sớm hơn thì hàng trăm kẻ đang sống thong dong đã phải đền tội từ lâu.” “Thực vậy!” Tôi lẩm bẩm. “Đó là điểm mấu chốt trong nhiều vụ án hình sự. Có khi một người bị tình nghi phạm tội nhiều tháng sau khi tội ác đã xảy ra. Người ta sẽ khám xét quần áo hay chăn nệm của y, và phát hiện ra những vết nâu nâu ở đó. Là máu, bùn, vết gỉ sét, vết trái cây, hay là cái gì? Đó là câu hỏi luôn khiến nhiều chuyên gia bối rối lâu nay, và tại sao thế? Bởi vì không có phép thử nào đáng tin cậy. Bây giờ ta đã có phép thử Sherlock Holmes, và sẽ không còn gì khó khăn nữa cả.” Đôi mắt anh ta sáng rực lên trong khi nói, rồi anh đặt một bàn tay lên ngực và cúi chào cứ như có một đám đông tán thưởng từ trong tưởng tượng vụt hiện ra. “Xin chúc mừng anh”, tôi nói, lòng ngạc nhiên không ít trước sự hăng hái của anh ta. “Năm ngoái đã có vụ Von Bischoff ở Frankfurt. Nếu lúc đó mà có phép thử này thì nhất định hắn phải bị treo cổ rồi. Rồi còn vụ Mason ở Bradford, vụ Muller khét tiếng, vụ Lefevre ở Montpellier, và vụ Samson ở New Orleans. Tôi có thể kể ra cả chục vụ mà lẽ ra đã có thể định đoạt bằng cách này.” “Anh cứ như một cuốn lịch sống về hình sự vậy,” Stamford bật cười nhận xét. “Anh có thể ra một tờ báo chuyên về lĩnh vực này đó. Hãy gọi nó là tờ Tin hình sự thời dĩ vãng.” “Nội dung có thể rất hấp dẫn đấy”, Sherlock Holmes vừa nói vừa dán một mẩu băng dính nhỏ trên vết chích ở ngón tay. “Tôi phải cẩn thận”, anh ta quay sang tôi, tươi cười nói tiếp, “vì tôi hay đụng vào chất độc lắm.” Anh ta chìa bàn tay ra và tôi để ý thấy cả bàn tay đều lốm đốm những mẩu băng dính tương tự và bệch bạc vì các thứ axít mạnh. “Chúng tôi đến đây có việc”, Stamford ngồi xuống một chiếc ghế cao ba chân rồi lấy chân đẩy một chiếc ghế khác về phía tôi. “Anh bạn tôi đây muốn tìm chỗ nương thân, vì tôi nghe anh cứ than phiền là không tìm ra ai chia đôi tiền trọ, tôi nghĩ tốt nhất nên cho hai người gặp nhau.” Coi bộ Sherlock Holmes vui mừng với ý tưởng ở trọ chung với tôi. “Tôi có để mắt tới một căn hộ trên phố Baker”, anh nói, “chỗ này hoàn toàn phù hợp với chúng ta. Hi vọng là anh không phiền lòng với mùi thuốc lá nặng đấy chứ?” “Tôi cũng bập phà luôn đấy mà”, tôi đáp. “Thế thì hay. Tôi thường để hóa chất lung tung và thỉnh thoảng có làm thí nghiệm. Việc này có phiền anh không?” “Hoàn toàn không.” “Để xem… tôi còn thiếu sót gì khác không. Có lúc tôi cũng khó ở và suốt mấy ngày liền không mở miệng. Khi tôi như thế thì anh đừng nghĩ tôi cau có, khó chịu. Cứ để mặc tôi rồi tôi sẽ bình thường lại thôi. Bây giờ anh có gì thú tội không? Tốt nhất là trước khi ở chung, hai người nên biết những thói hư tật xấu của nhau.” Tôi bật cười trước trò đối chất này. “Tôi có một chú bun[7] đấy. Và tôi ghét ồn ào vì thần kinh tôi không vững. Tôi hay thức dậy vào những giờ giấc bất tiện và hết sức lười biếng. Tôi còn nhiều thói xấu khác nữa khi tôi mạnh khỏe, nhưng hiện thời thì bấy nhiêu là chủ yếu,” tôi nói. “Chơi vĩ cầm có được tính vào cái phạm trù ồn ào của anh không đấy?” Anh ta có vẻ lo lắng. “Còn tùy vào người chơi”, tôi đáp. “Vĩ cầm mà chơi hay thì thần thánh cũng phải mê, còn chơi dở thì…” “Ồ, thế thì ổn cả”, anh vừa kêu lên vừa bật cười vui vẻ. “Tôi nghĩ việc này coi như xong, tức là nếu như chỗ ở đó hợp ý anh.” “Vậy khi nào chúng ta đi xem nhà đây?” “Gặp tôi ở đấy trưa ngày mai, rồi chúng ta sẽ cùng đi và dàn xếp mọi thứ”, anh đáp. “Được rồi, đúng trưa mai”, tôi bắt tay cáo từ. Sherlock Holmes ở lại cặm cụi với mớ hóa chất, còn hai chúng tôi cùng tản bộ về hướng khách sạn tôi ở. “À này”, tôi đột ngột dừng bước, quay sang hỏi Stamford, “làm sao anh ta biết tôi từ Afghanistan về hở trời?” Anh bạn tôi nở một nụ cười bí ẩn. Anh nói, “Đó chính là điểm kì quặc của anh ta đấy. Rất nhiều người muốn biết anh ta làm cách nào mà tìm hiểu ra nhiều chuyện thế.” “Ồ! Bí ẩn nhỉ?” Tôi kêu lên, hai bàn tay xoa vào nhau. “Đúng là gây tò mò hết sức! Rất cảm ơn anh đã đưa tôi gặp anh ta. Đối tượng nghiên cứu thích đáng của loài người là chính con người[8], anh biết mà.” “Vậy thì anh cố mà nghiên cứu anh ta nhé”, Stamford nói lúc chào tạm biệt tôi. “Nhưng anh sẽ thấy anh ta là một bài toán nan giải. Tôi dám đánh cuộc là anh ta biết về anh còn nhiều hơn anh biết về anh ta đấy. Tạm biệt.” “Tạm biệt”, tôi đáp lại rồi tiếp tục tản bộ về khách sạn, trong lòng đầy hiếu kì về người mới quen.